

GREETING AND INTRODUCTION REVIEW

I. NỐI TỪ VỚI NGHĨA.

- | | |
|-----------------|--------------------|
| 1. affection | A. câu đùa |
| 2. swear | B. có lẽ |
| 3. perhaps | C. tình cảm |
| 4. compliment | D. đáng đẹp |
| 5. therapist | E. bệnh tiểu đường |
| 6. cancer | F. hào phóng |
| 7. handsome | H. thể |
| 8. fit | I. câu khen |
| 9. diabetes | J. thả thính |
| 10. banter | K. bệnh ung thư |
| 11. generous | L. đẹp trai. |
| 12. flirtatious | M. bác sĩ tâm lý |

II. VIẾT CÁC CÂU SAU BẰNG TIẾNG ANH.

1. Ngoại tình:
2. Không còn nữa:
3. Bạn có khoẻ không?:
4. Chúng tôi học chung trường:
5. Cô ấy trông mệt mỏi lắm.
6. Bạn có nụ cười rất đẹp.

